

Bản án số: 25/2023/HS-ST
Ngày 24-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu C.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn K - Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết công giáo thành phố HP;

Bà Nguyễn Thị Minh Phương - Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phường PBC, quận HB, thành phố HP.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm V - Thư ký Toà án nhân dân quận HB, thành phố HP.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận HB, thành phố HP tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kiều D - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HB, thành phố HP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Chu Anh T, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2003 tại HP. Nơi cư trú: Số 19/14 LBTT, phường HV, quận HB, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh T chưa có vợ con; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 131/2021/HS-ST ngày 23-8-2021, Tòa án nhân dân thành phố HP xử 09 (chín) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 01-11-2021 (chưa được xóa án); tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29-3-2022 đến ngày 07-4-2022 chèn tạm giam - Có mặt.

2. Phạm Văn T sinh ngày 15 tháng 6 năm 2005 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 6 tháng 17 ngày). Nơi cư trú: Thôn VN, xã DB, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị T chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 27-5-

2022, chuyển tạm giam từ ngày 03-6-2022, đến ngày 21-10-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh - Có mặt.

3. Nguyễn Bá T, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2004 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 3 tháng 15 ngày). Nơi cư trú: Thôn VT, xã DB, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Nguyễn Bá D và bà Vũ Thị Q; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 31-3-2022, đến ngày 08-4-2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

4. Tạ Quang H, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2005 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 11 tháng 09 ngày). Nơi cư trú: Thôn B, xã TT, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Tạ Văn H và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22-01-2022, chuyển tạm giam từ ngày 28-01-2022, đến ngày 30-4-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh - Có mặt.

5. Nguyễn Huy H, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2004 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 7 tháng 08 ngày). Nơi ĐKKHKT: Thôn ND 5, xã AH, huyện AD, thành phố HP; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã LT, Hện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt truy nã và bị tạm giữ từ ngày 06-9-2022, đến ngày 12-9-2022 chuyển tạm giam - Có mặt.

6. Nguyễn Đức N, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2005 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 7 tháng 04 ngày). Nơi cư trú: Thôn C, xã LT, Hện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị P; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22-01-2022, chuyển tạm giam từ ngày 28-01-2022, đến ngày 14-3-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh - Có mặt.

7. Trương Văn C, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2005 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 06 ngày). Nơi cư trú: Thôn DN, xã LT, Hện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22-01-2022 - Có mặt.

8. Trương Hoàng V, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2005 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 26 ngày). Nơi cư trú: Thôn DN, xã LT, Hện

AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Trương Văn Đ và bà Đoàn Thị N; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22-01-2022, chuyển tạm giam từ ngày 28-01-2022, đến ngày 14-3-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh - Có mặt.

9. Phạm Văn N, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2004 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 12 ngày). Nơi cư trú: Thôn DN, xã LT, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22-01-2022, chuyển tạm giam từ ngày 28-01-2022, đến ngày 14-3-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh - Có mặt.

10. Phạm Huy H, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2005 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 11 tháng 04 ngày). Nơi cư trú: Thôn DN, xã LT, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Phạm M H và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10-3-2022, chuyển tạm giam từ ngày 18-3-2022, đến ngày 21-10-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh - Có mặt.

11. Trần Đức M, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2005 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 9 tháng 03 ngày). Nơi ĐKHKTT: Thôn MS, xã NH, huyện VB, thành phố HP; chỗ ở hiện nay: Thôn AD, xã AD, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố HP xử phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 - Có mặt.

12. Nguyễn Hồng S sinh ngày 10 tháng 11 năm 2004 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 01 tháng 20 ngày). Nơi ĐKHKTT: Tổ 6, thị trấn AD, huyện AD, thành phố HP; chỗ ở hiện nay: Thôn TK, xã ĐB, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Nguyễn Hùng A và bà Phí Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố HP xử phạt 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 - Có mặt.

13. Nguyễn Đình T, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2004 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 9 tháng 01 ngày). Nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn AD, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố HP xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 - Có mặt.

14. Lê Trác T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2004 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 8 tháng 20 ngày). Nơi cư trú: Thôn 6, xã BS, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Lê Trác T và bà Trần Thị B; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố HP xử phạt 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội Cướp T sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 - Có mặt.

15. Phạm Việt T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2005 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 4 tháng 08 ngày). Nơi cư trú: Tổ 7, thị trấn AD, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Phạm Thanh T và bà Trần Thị H; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50 ngày 05-02-2021 của Công an huyện AD về hành vi xâm phạm sức khỏe; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố HP xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội Cướp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 - Có mặt.

16. Phan Thanh T, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2003 tại HP. Nơi cư trú: Số 23/34/24 Tổ NVT, phường QT, quận HB, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Phan L và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt truy nã và tạm giữ từ ngày 25-6-2022, đến ngày 01-7-2022 chuyển tạm giam - Có mặt.

17. Vũ Doãn K, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2005 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 25 ngày). Nơi cư trú: Thôn 1, xã BS, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Vũ Doãn T và bà Vũ Thị chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10-6-2022, đến ngày 15-6-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

18. Bùi Văn T, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2002 tại HP. Nơi cư trú: Thôn QH, xã NS, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Phạm Thị Thùy T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23-11-2022, đến ngày 02-12-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

19. Lê Trác C, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2005 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 6 tháng 20 ngày). Nơi cư trú: Thôn 5, xã BS, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con bà Lê Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02-6-2022 - Có mặt.

20. Trần Thành L, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2000 tại HP. Nơi cư trú: Số 84 Tổ NVT, phường QT, quận HB, thành phố HP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Trần Đình B và bà Đỗ Thị D; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29-4-2022 - Có mặt.

21. Chu Đức T, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2004 tại HP (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 8 tháng 08 ngày). Nơi cư trú: Thôn LL 1, xã AH, huyện AD, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: VN; con ông Chu Đức N (đã chết) và bà Lê Thị V; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25-5-2022, đến ngày 02-6-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn T, Trương Văn C và Vũ Doãn K:* Bà Lương Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố HP - Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Bá T và Nguyễn Đức N:* Bà Đoàn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố HP.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Tạ Quang H và Phạm Huy H:* Bà Vũ Thị Minh H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố HP - Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Trương H Việt, Phạm Văn N và Lê Trác C:* Bà Cù Thúy M - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố HP - Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Trần Đức M, Nguyễn Hồng S và Phạm Việt T:* Bà Trần Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố HP - Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn T:* Bà Phạm Thị T (là mẹ của bị cáo Phạm Văn T) và ông Phạm Văn T (là bố của bị cáo Phạm Văn T); cùng trú tại: Thôn VN, xã DB, huyện AD, thành phố HP - Bà Phạm Thị T (có mặt); ông Phạm Văn T (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Đức N:* Bà Trần Thị P (là mẹ của bị cáo Nguyễn Đức N) và ông Nguyễn Văn T (là bố của bị cáo Nguyễn Đức N); cùng trú tại: Thôn C, xã LT, huyện AD, thành phố HP - Bà Trần Thị P (có mặt); ông Nguyễn Văn T (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trương Văn C:* Bà Nguyễn Thị N (là mẹ của bị cáo Trương Văn C) và ông Trương Văn N (là bố của bị cáo Trương Văn C); cùng trú tại: Thôn DN, xã LT, huyện AD, thành phố HP - Bà Nguyễn Thị N (có mặt); ông Trương Văn N (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trương Hoàng V:* Bà Đoàn Thị N (là mẹ của bị cáo Trương Hoàng V) và ông Trương Văn Đ (là bố của bị cáo Trương Hoàng V); cùng trú tại: Thôn DN, xã LT, huyện AD, thành phố HP - Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Đức M:* Bà Nguyễn Thị H (là mẹ của bị cáo Trần Đức M) và ông Trần Văn B (là bố của bị cáo Trần Đức M). Nơi ĐKKHKT: Thôn MS, xã NH, huyện VB, thành phố HP; chỗ ở hiện nay: Thôn AD, xã AD, huyện AD, thành phố HP - Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Việt T:* Bà Trần Thị H (là mẹ của bị cáo Phạm Việt T) và ông Phạm Thanh T (là bố của bị cáo Phạm Việt T); cùng trú tại: Tổ 7, thị trấn AD, huyện AD, thành phố HP - Bà Trần Thị H (vắng mặt); ông Phạm Thanh T (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Doãn K:* Bà Vũ Thị L (là mẹ của bị cáo Vũ Doãn K) và ông Vũ Doãn T (là bố của bị cáo Vũ Doãn K); cùng trú tại: Thôn 1, xã BS, huyện AD, thành phố HP - Bà Vũ Thị L (có mặt); ông Vũ Doãn T (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Trác C:* Bà Lê Thị T (là mẹ của bị cáo Lê Trác C); trú tại: Thôn 5, xã BS, huyện AD, thành phố HP - Vắng mặt buổi sáng, có mặt buổi chiều.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Đỗ Thành H; trú tại: Xóm 5, xã NL, huyện TN, thành phố HP - Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Tấn D; trú tại: Số 11/2 ML, phường AB, quận LC, thành phố HP - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Do trước đó Chu Anh T bị một số đối tượng nam thanh niên (chưa xác định được lai lịch) đánh, nên Chu Anh T đã rủ các bị cáo khác đi tìm nhóm đối tượng trên để đánh trả thù. Tối ngày 01-01-2022, Chu Anh T cùng với 21 đối tượng khác gồm: Đỗ Trọng Đ, Phạm Văn T, Trương Hoàng V, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Văn Chuyên, Phạm Huy H, Nguyễn Bá T, Phan Thanh T, Trần Thành L, Chu Đức T, Lê Trác C, Vũ Doãn K, Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Phạm Việt T, Nguyễn Đình T, Lê Trác T, Bùi Văn T, Nguyễn Huy H tập trung ở quán cầm đồ tại khu vực Quốc Lộ 5, thôn MT, xã NS, huyện AD, thành phố HP. Tại đây, các đối tượng chuẩn bị hung khí gồm khoảng 10 giáo nhọn; 02 két vỏ chai thủy tinh; 03 kiếm tự chế dài khoảng 50cm và 01 ba lô đựng vỏ chai thủy tinh.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01-01-2022, các đối tượng chia nhau hung khí và di chuyển bằng xe mô tô đi sang khu vực trung tâm thành phố để tìm nhóm đã đánh Chu Anh T. Nguyễn Bá T đi xe SH đen, không biển số chở Chu Anh T ngồi sau cầm 01 kiếm tự chế; Trương Văn Chuyên đi xe SH mode xám chở Nguyễn Đức N ngồi sau cầm 01 giáo nhọn; Phạm Huy H đi xe Airblade đỏ mận, chở Tạ Quang H ngồi sau cầm 01 giáo nhọn; Phạm Văn N đi xe Wave xanh tím than chở Trương Hoàng V ngồi sau cầm 01 giáo nhọn và 02 vỏ chai thủy tinh; Phan Thanh T đi xe Sirius màu đen, chở Nguyễn Huy H ngồi sau cầm 01 giáo nhọn; Đỗ Trọng Đ đi xe Wave xanh, yếm đen chở Phạm Văn T ngồi sau cầm 01 giáo nhọn; Chu Đức T đi xe Airblade màu trắng, chở Trần Thành L ngồi sau (T để 02 vỏ chai thủy tinh sau mũ áo); Lê Trác C đi xe Airblade đen chở Bùi Văn T ngồi sau cầm 01 kiếm tự chế; Nguyễn Hồng S đi xe Airblade màu đen, chở Trần Đức M đeo balo vỏ chai ngồi sau và Lê Trác T; Nguyễn Đình T đi xe Airblade màu đen chở Phạm Việt T cầm 01 giáo nhọn và Vũ Doãn K cầm 01 kiếm tự chế ngồi sau. Cả nhóm đi đến khu vực gần cầu Vượt - Nút giao Nam cầu B (cầu vượt Vinhomes) thuộc địa bàn phường TC, quận HB thì gặp một nhóm nam thanh niên đi ở bên đường mới xã AD, huyện AD về hướng Ngã 4 CD. Nhóm của Chu Anh T đã quay xe lại đuổi theo nhóm thanh niên trên về phía Ngã tư Cơ Điện nhưng không đuổi kịp nên đã hẹn nhau quay lại cầu vượt Vinhomes.

Đến khoảng 21 giờ 53 phút cùng ngày, nhóm các bị cáo gồm 12 người đi trên 06 xe mô tô gồm: Nguyễn Bá T chở Chu Anh T; Trương Văn C chở Nguyễn Đức N; Phạm Văn N chở Trương Hoàng V; Đỗ Trọng Đ chở Phạm Văn T, Phạm Huy H chở Tạ Quang H; Phan Thanh T chở Nguyễn Huy H quay lại cầu vượt

Vinhomes trước thì nhìn thấy một nhóm nam thanh niên khác khoảng 15 xe mô tô đang đi xuống dốc cầu vượt Vinhomes. Nhóm các bị cáo đã đuổi theo nhóm thanh niên trên về hướng cầu Bính; trên đường đuổi theo thì Nguyễn Bá T đáp chai thủy tinh, Trương H Việt đáp chai thủy tinh, Phạm Văn T cầm giáo nhọn chọc, Chu Anh T cầm kiếm chém về phía nhóm này Nng không trúng ai; tiếp theo Phạm Huy H chở Tạ Quang H; Đỗ Trọng Đ chở Phạm Văn T tiếp tục đuổi theo xe mô tô Airblade do anh Đỗ Thành H, sinh năm 2003, nơi cư trú: Xóm 5, xã NL, huyện TN, T phó HP chở bạn ngồi sau là Bùi Quang S, sinh năm 2004, nơi cư trú: Xã NL, huyện TN, thành phố HP. Khi đến dốc cầu B thuộc địa bàn phường TL, quận HB thì Phạm Huy H điều khiển xe mô tô ép sát xe anh H hô dừng lại, Tạ Quang H ngồi sau cầm giáo chọc về phía xe anh H và tiếp tục vọt xe lên đuổi, thấy vậy anh H đã điều khiển xe mô tô lách sang phải khiến chân phải anh H bị va chạm vào T cầu làm anh H bị thương ở bàn chân phải, đầu gối phải. Anh H vòng xe quay lại thì bị Đỗ Trọng Đ chở Phạm Văn T đứng ở dốc cầu B xông ra chặn lại, Đỗ Trọng Đ cầm chai thủy tinh đập còn Phạm Văn T cầm giáo nhọn định đánh nhưng anh H đã điều khiển xe bỏ chạy về phía huyện TN. Thấy vậy, Phạm Huy H và Đỗ Trọng Đ không đuổi theo nữa và quay lại cầu vượt Vinhomes để tập trung cùng cả nhóm. Sau đó, nhóm các bị cáo Chu Anh T, Nguyễn Bá T, Trương Văn C, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Hoàng V, Đỗ Trọng Đ, Phạm Văn T, Phan Thanh T, Nguyễn Huy H, Phạm Huy H, Tạ Quang H cũng quay lại khu vực cầu vượt Vinhomes để tập trung với nhóm còn lại gồm: Lê Trác C, Bùi Văn T, Trần Thành L, Chu Đức T, Vũ Doãn K, Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Phạm Việt T, Nguyễn Đình T, Lê Trác T. Cả nhóm tiếp tục hô hào đi sang TN để tìm nhóm đối tượng đã đánh Chu Anh T, khi đi qua cầu B thì thấy mất điện nên cả nhóm quay về, lúc này Phan Thanh T có việc bận nên đã về trước, còn Nguyễn Huy H sang đi cùng xe của Phạm Huy H và Tạ Quang H.

Đến khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày, nhóm các bị cáo tiếp tục quay lại cầu vượt Vinhomes thì gặp một nhóm nam thanh niên khác đi khoảng 05 xe mô tô nên nhóm các bị cáo đã đuổi theo nhóm thanh niên này lên đến giữa cầu vượt Vinhomes thì dừng lại. Trong đó có xe mô tô do anh Nguyễn Tấn D, sinh năm 2003, nơi thường trú: Số 11/2 ML, phường AB, quận LC, điều khiển chở bạn là Ngô Duy Q, sinh năm 2004, nơi thường trú: Số 49 gác 2 HBT, phường AB, quận LC và xe mô tô do anh Nguyễn Huy H, sinh năm 2004, nơi thường trú: Số 10 TQK, phường HVT, quận HB điều khiển. Một số bị cáo trong nhóm của Chu Anh T đã dùng vỏ chai thủy tinh ném, chặn đầu xe làm 2 xe mô tô của nhóm anh Nguyễn Tấn D tự va vào nhau đổ xuống đường, anh D bỏ lại xe và chạy bộ lên trên cầu được khoảng 30m thì bị một số bị cáo cầm vỏ chai thủy tinh đáp theo, đến khu vực giữa cầu thì các bị cáo gồm: Nguyễn Huy H cầm giáo nhọn chặn lại, Vũ Doãn K cầm kiếm tự chế, Phạm Văn T cầm giáo nhọn, Nguyễn Đức N xông vào dùng

tay, chân đánh khiến anh D bị thương tích chảy máu ở đầu, lưng. Cùng lúc này Chu Đức T điều khiển xe mô tô chở Trần Thành L ngồi sau đuổi theo anh Nguyễn Huy H đang chạy bộ xuống cầu vượt Vinhomes nhưng không đuổi kịp. Trần Thành L cầm 01 vỏ chai thủy tinh ném trước mặt anh Nguyễn Tấn D, còn Phạm H H điều khiển xe một mình cùng với Lê Trác C chở Bùi Văn T cầm kiếm tự chế, Đỗ Trọng Đ cầm giáo nhọn đuổi theo nhóm bạn anh D về hướng cầu B, khi đến khu vực ngã 3 lối rẽ vào Khu đô thị Vinhomes thì không đuổi được nên quay lại. Thấy có người hô hoán, nên nhóm các bị cáo đã bỏ chạy về hướng quốc lộ 5, trên đường đi các đối tượng đã vất, bỏ lại hung khí.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 32/2022/TgT ngày 28-01-2022 của Trung tâm pháp y HP kết luận thương tích của anh Nguyễn Tấn D: *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích gây nên là 03% (Ba phần trăm).*

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 32/2022/TgT ngày 28-01-2022 của Trung tâm pháp y HP và Bản Kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 69/2022/TgT ngày 01-3-2022 của Trung tâm pháp y HP kết luận: *Anh Đỗ Thành H bị thương ở bàn chân phải, đầu gối phải, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích trên gây nên là 20% (Hai mươi phần trăm).*

Trong các ngày 17-01-2022 và 21-01-2022, Ủy ban nhân dân các phường SD và TL, thuộc quận HB đã có Công văn yêu cầu Công an quận HB xử lý nghiêm các đối tượng trên về hành vi gây mất an ninh trật tự tại địa phương, trên tuyến đường từ cầu vượt Vinhomes đến khu vực chân cầu B.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Chu Anh T, Trương Hoàng V, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Văn C, Phạm Huy H, Nguyễn Bá T, Phạm Văn T, Phan Thanh T, Trần Thành L, Chu Đức T, Lê Trác C, Vũ Doãn K, Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Phạm Việt T, Nguyễn Đình T, Lê Trác T, Bùi Văn T, Nguyễn Huy H đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của những người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Trương Hoàng V, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Văn C, Phạm Huy H, Chu Anh T, Nguyễn Bá T, Phạm Văn T đã nộp tổng số tiền là 50.000.000 đồng để bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh Đỗ Thành H. Các bị cáo Vũ Doãn K, Chu Đức T, Trần Thành L, Phạm Việt T, Bùi Văn T đã bồi thường tổng số tiền 29.000.000 đồng cho anh Nguyễn Tấn D. Đến nay, anh H và anh D không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự, đồng thời có đơn giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã bồi thường.

Về vật chứng: Khi khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu giữ một số mảnh vỡ chai thủy tinh ở khu vực đường cầu B, dốc cầu B và khu vực cầu vượt Vinhomes; các hung khí sau khi thực hiện hành vi phạm tội các đối tượng đã vứt đi nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSHB ngày 31-01-2023, Viện Kiểm sát nhân dân quận HB, thành phố HP truy tố Chu Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Bá T, Tạ Quang H, Nguyễn Huy H, Nguyễn Đức N, Trương Văn C, Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Phạm Huy H, Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Đình T, Lê Trác T, Phạm Việt T, Phan Thanh Trọng, Vũ Doãn K, Bùi Văn T, Lê Trác C, Trần Thành L, Chu Đức T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Chu Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Bá T, Tạ Quang H, Nguyễn Huy H, Nguyễn Đức N, Trương Văn C, Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Phạm Huy H, Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Đình T, Lê Trác T, Phạm Việt T, Phan Thanh T, Vũ Doãn K, Bùi Văn T, Lê Trác C, Trần Thành L, Chu Đức T nhận tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận HB. Các bị cáo có thái độ ăn năn về hành vi phạm tội, mong muốn được sửa chữa lỗi lầm thông qua việc chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận HB giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Chu Anh T từ 04 (bốn) năm tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29-3-2022.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Phạm Văn T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày treo án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Nguyễn Bá T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Tạ Quang H từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Nguyễn Huy H từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Thời hạn từ tính từ ngày tạm giữ 06-9-2022.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Nguyễn Đức N từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Trương Văn C từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Trương Hoàng V từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Phạm Văn N từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật

Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Phạm Huy H từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt: Trần Đức M từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 104 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với bản án trước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 trong một vụ án khác.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt: Nguyễn Hồng S từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 104 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với bản án trước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 trong một vụ án khác.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt: Nguyễn Đình T từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. về tội Gây rối trật tự công cộng Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 104 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với bản án trước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 trong một vụ án khác.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt: Lê Trác T từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 104 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với bản án trước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 trong một vụ án khác.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt: Phạm Việt T từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. về tội Gây rối trật tự công cộng Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 104

Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt với bản án trước. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 trong một vụ án khác.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phan Thanh T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25-6-2022.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Vũ Doãn K từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù Nng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn T từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù Nng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Lê Trác C từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Thành L từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Chu Đức T từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Đối với Đỗ Trọng Đ có dấu hiệu phạm tội Gây rối trật tự công cộng. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi, Đỗ Trọng Đ chưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự (là tội nghiêm trọng). Do đó, Công an quận HB đã lập hồ sơ đề nghị đưa vào trường giáo dưỡng đối với Đỗ Trọng Đ.

Đối với hành vi các bị cáo đuổi theo nhóm thanh niên trên về phía Ngã tư CD chưa có hậu quả xảy ra nên không có căn cứ để xử lý về hành vi này.

Đối với thương tích của anh Đỗ Thành H là do anh H điều khiển xe mô tô tự va vào thành cầu gây ra; còn thương tích của anh Nguyễn Tấn D bị thương tích giảm 03% sức khỏe, nhưng anh D có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự, vì vậy không có căn cứ khởi tố về tội Cố ý gây thương tích.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Trương Hoàng V, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Văn C, Phạm Huy H, Chu Anh T, Nguyễn Bá T, Phạm Văn T đã nộp tổng số tiền là 50.000.000 đồng để bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh Đỗ Thành H. Các bị cáo Vũ Doãn K, Chu Đức T, Trần Thành L, Phạm Việt T, Bùi Văn T đã bồi thường tổng số tiền 29.000.000 đồng cho anh Nguyễn Tấn D. Đến nay, anh H và anh D không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy một số mảnh vỡ thủy tinh thu tại hiện trường trên cầu Bính và một số mảnh vỡ thủy tinh thu tại hiện trường trên cầu vượt Vinhomes do liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Số tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo dưới 18 tuổi do người đại diện hợp pháp của các bị cáo có nghĩa vụ nộp thay.

Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo gồm: Phạm Văn T, Trương Văn C, Vũ Doãn K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Đức N, Tạ Quang H, Phạm H H, Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Lê Trác C, Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Phạm Việt T nhất trí với tội danh Viện Kiểm sát nhân dân quận HB đã truy tố. Tuy nhiên, những người bào chữa cho các bị cáo cho rằng quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đang ở độ tuổi vị thành niên, nhận thức chưa đầy đủ về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh đặc biệt của các bị cáo Lê Trác C (không được bố chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ, bản thân bị tai nạn

chấn thương sọ não). Các bị cáo Trương Hoàng V, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Văn C, Phạm Huy H, Nguyễn Bá T, Phạm Văn T đã bồi thường xong về dân sự cho thương tích của anh Đỗ Thành H; các bị cáo Vũ Doãn K, Chu Đức T, Phạm Việt T đã bồi thường xong về dân sự cho thương tích của anh Nguyễn Tấn D, được anh H và anh D xin giảm nhẹ hình phạt nên 11 bị cáo trên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức N có ông ngoại là Trần Văn B được tặng Huân chương kháng C hạng 3; bị cáo Trần Đức M có ông là Trần Văn T là liệt sĩ, gia đình đang thờ cúng liệt sĩ; bị cáo Nguyễn Đình T có bà nội là Nguyễn Thị Ngọc T được tặng thưởng Huân chương Chương sĩ về vàng; bị cáo Chu Anh T có bố đẻ là Chu Văn H tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Trương Hoàng V có bố là Trương Văn Đ tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Phạm Văn N có ông ngoại là Vũ Văn S là liệt sĩ; bị cáo Phạm Việt T có ông là Phạm Văn H được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, được sư đoàn 312 quân đoàn 1 tặng Kỷ niệm chương, được Ủy ban nhân dân tỉnh QT tặng Kỷ niệm chương chiến sĩ bảo vệ thành cổ QT; bị cáo Nguyễn Bá T có ông là Nguyễn Bá B và có bác là Bùi Đức H là liệt sĩ; bị cáo Phạm Huy H có ông ngoại là Nguyễn Văn L là liệt sĩ; bị cáo Trần Thành L đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Chu Đức T có ông ngoại là Nguyễn Văn B là liệt sĩ, bị cáo Vũ Doãn K có ông là Vũ Văn G được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên có thể coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo khi xem xét quyết định hình phạt, cho các bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất để các bị cáo cải tạo tốt và sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

Những người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn T, Trương Văn C, Vũ Doãn K, Nguyễn Đức N, Nguyễn Bá T, Tạ Quang H, Phạm Huy H, Trương H Việt, Phạm Văn N không nhất trí với quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận HB về việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự vì các bị cáo thực hiện hành vi liên tục, xâm phạm một khách thể. Những người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn T, Trương Văn C, Vũ Doãn K, Trương Hoàng V, Phạm Văn N đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt dưới mức khởi điểm đề nghị của Viện Kiểm sát đối với các bị cáo Phạm Văn T, Trương Văn C, Vũ Doãn K, Nguyễn Đức N, Nguyễn Bá T, Tạ Quang H, Phạm Huy H.

Những người bào chữa cho các bị cáo Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Lê Trác C, Nguyễn Hồng S, Phạm Việt T, Trần Đức M đề nghị áp dụng triệt để 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự T khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo dưới 18 tuổi và các bị cáo dưới 18 tuổi nhất trí với quan điểm của những người bào chữa cho các bị cáo.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo được Hội đồng xét xử ghi nhận, xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Chu Anh T, Phan Thanh Trọng, Bùi Văn T, Trần T Long, Chu Đức Tùng, Nguyễn Huy H, Nguyễn Đình T, Lê Trác T không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

- Về tố tụng

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận HB, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận HB, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Trác C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Trác C là bà Lê Thị T; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Đỗ Thành H và anh Nguyễn Tấn D mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo và đại diện Viện Kiểm sát không đề nghị hoãn phiên tòa vì sự vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan đến vụ án. Người bào chữa cho bị cáo Lê Trác C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị cáo dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 423 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét thấy, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều đã có lời khai tại các giai đoạn tố tụng và có văn bản thể hiện việc bồi thường đã xong, không còn yêu cầu nào khác. Việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Đối với người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Trác C là bà Lê Thị T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có căn cứ thể hiện bà Lê Thị T vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Mặt khác, bị cáo Lê Trác C đã có người bào chữa tham gia phiên tòa; việc vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Trác C không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, khoản 3 Điều 423 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Trác C.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] *Về tội danh:* Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở khẳng định: Do trước đó Chu Anh T bị một số đối tượng nam thanh niên (chưa xác định được lai lịch) đánh nên Chu Anh T đã rủ các bị cáo khác đi tìm nhóm đối tượng trên để đánh trả thù. Tối ngày 01-01-2022, Chu Anh T cùng với 21 đối tượng khác gồm: Đỗ Trọng Đ, Phạm Văn T, Trương Hoàng V, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Văn C, Phạm Huy H, Nguyễn Bá T, Phan Thanh T, Trần Thành L, Chu Đức T, Lê Trác C, Vũ Doãn K, Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Phạm Việt T, Nguyễn Đình T, Lê Trác T, Bùi Văn T, Nguyễn Huy H tập trung ở quán cầm đồ tại khu vực QL 5, thôn MT, xã NS, huyện AD, thành phố HP. Tại đây, các đối tượng chuẩn bị hung khí gồm khoảng 10 giáo nhọn; 02 két vỏ chai thủy tinh; 03 kiếm tự chế dài khoảng 50cm và 01 ba lô đựng vỏ chai thủy tinh. Các bị cáo đi xe với tốc độ cao khoảng 60km đến 90km/giờ, hò hét, dùng vỏ chai ném, cầm hung khí đuổi đánh những nhóm thanh niên đi đường...gây mất an ninh trật tự tại địa phương 02 lần, cụ thể: Khoảng 21 giờ 53 phút ngày 01-01-2022, các bị cáo Trương Hoàng V, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Văn C, Phạm Huy H, Chu Anh T, Nguyễn Bá T, Phạm Văn T, Phan Thanh T, Nguyễn Huy H đã có hành vi sử dụng hung khí gây rối trật tự công cộng tại khu vực đường cầu B thuộc địa bàn phường TL, quận HB. Đến khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày, các bị cáo Trương Hoàng V, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Văn C, Phạm Huy H, Chu Anh T, Nguyễn Bá T, Phạm Văn T, Nguyễn Huy H, Trần Thành L, Chu Đức T, Lê Trác C, Vũ Doãn

K, Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Phạm Việt T, Nguyễn Đình T, Lê Trác T, Bùi Văn T tiếp tục có hành vi sử dụng hung khí gây rối trật tự công cộng tại khu vực cầu vượt Vinhomes thuộc địa bàn phường TC, quận HB. Lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm mà các bị cáo thực hiện hoàn T từ thời điểm các bị cáo sử dụng xe mô tô đuổi đánh, hò hét, ném chai thủy tinh và khua hung khí, chém, đập về phía những nhóm thanh niên đi đường gây náo loạn. Do vậy, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Chu Anh T, Phạm Văn T, Trương Hoàng V, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Văn C, Phạm Huy H, Nguyễn Bá T, Phan Thanh T, Trần Thành L, Chu Đức T, Lê Trác C, Vũ Doãn K, Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Phạm Việt T, Nguyễn Đình T, Lê Trác T, Bùi Văn T, Nguyễn Huy H đồng phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi vi phạm của các bị cáo đã xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự xã hội tại địa phương được pháp luật bảo vệ, nên cần phải xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi vi phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trương Hoàng V, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Văn C, Phạm Huy H, Chu Anh T, Nguyễn Bá T, Phạm Văn T đã nộp tổng số tiền là 50.000.000 đồng để bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh Đỗ Thành H. Các bị cáo Vũ Doãn K, Chu Đức T, Trần Thành L, Phạm Việt T, Bùi Văn T đã bồi thường tổng số tiền 29.000.000 đồng cho anh Nguyễn Tấn D được anh H và anh D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo trên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trương Văn C, Phạm Văn T, Bùi Văn T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Lê Trác C sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị chấn thương sọ não nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức N có ông ngoại là Trần Văn B được tặng Huân chương kháng chiến hạng 3; bị cáo Trần Đức M có ông là Trần Văn T là liệt sĩ, gia đình đang thờ cúng liệt sỹ; bị cáo Nguyễn Đình T có bà nội là Nguyễn Thị Ngọc T được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo Chu Anh T có bố đẻ là Chu Văn H tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Trương Hoàng V có bố là Trương Văn Đ tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Phạm Văn N có ông ngoại là Vũ Văn S là liệt sỹ; bị cáo Phạm Việt T có ông là Phạm Văn H được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, được sự đoàn 312 quân đoàn 1 tặng Kỷ niệm chương, được Ủy ban nhân dân tỉnh QT tặng Kỷ niệm chương chiến sỹ bảo vệ thành cổ QT; bị cáo Nguyễn Bá T có ông là Nguyễn Bá B và có bác là Bùi Đức H là liệt sỹ; bị cáo Phạm Huy H có ông ngoại là Nguyễn Văn L là liệt sỹ; bị cáo Trần Thành L đã

từng tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Chu Đức T có ông ngoại là Nguyễn Văn B là liệt sỹ, bị cáo Vũ Doãn K có ông là Vũ Văn G được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên có thể coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo Chu Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Huy H, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Huy H, Nguyễn Bá T, Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Trương Văn C trong cùng một buổi tối ngày 01-01-2022 đã 02 lần thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng nên các bị cáo trên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo Chu Anh T phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Đình T, Lê Trác T, Phạm Việt T sau thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này có hành vi vi phạm pháp luật khác bị Tòa án nhân dân huyện AD xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 09-9-2022 về tội “*Cướp tài sản*”. Do hành vi “*Cướp tài sản*” xảy ra sau thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này nên các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm. Ngoài ra, bị cáo Phạm Việt T có 01 tiền sự chưa được xóa về hành vi Xâm hại đến sức khỏe của người khác như phần căn cước đã nêu nên cần phải xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

- *Về vai trò và hình phạt:* Vụ án này có đồng phạm, do đó cần phân hóa vai trò của các bị cáo để xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] *Về vai trò:* Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện tính đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không có sự bàn bạc trước, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, không có người chỉ huy cầm đầu, hành vi phạm tội mang tính bột phát. Chu Anh T là người xảy ra mâu thuẫn với một nhóm thanh niên (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) nên đã rủ các bị cáo khác đi tìm để đánh trả thù. Chu Anh T là người ngồi sau xe do Nguyễn Bá T điều khiển đã 02 lần thực hiện hành vi dùng cầm kiếm chém về nhóm các thanh niên đi đường tại khu vực đường cầu Bính thuộc địa bàn phường TL, quận HB khu vực cầu vượt Vinhomes nên Chu Anh T có vai trò cao nhất. Phạm Văn T là người chuẩn bị giáo bằng kim loại nhọn đầu, gọi L mang 01 kiếm tự chế đến, đồng thời cùng với Đỗ Trọng Đ đuổi nhóm thanh niên tại chân cầu Bính, trực tiếp cầm giáo nhọn đuổi theo nhóm thanh niên, tiếp đó trực tiếp dùng tay chân đánh 01 nam thanh niên tại khu vực cầu vượt Vinhomes; Nguyễn Bá T là người trực tiếp chở Chu Anh T trong toàn bộ quá trình đuổi đánh nhau, thường xuyên dẫn đầu nhóm, cầm chai thủy tinh ném và hô hào các bị cáo khác truy đuổi các nhóm thanh niên đi đường; Tạ Quang H ngồi sau xe do Phạm Huy H chở có hành vi đập chai thủy tinh 02 lần, 01 lần cầm giáo Inox đâm 02 nhát vào lưng 01 nam thanh niên tại khu vực cầu B, sau đó quay lại cầu vượt Vinhomes tiếp tục đập chai thủy tinh vào nhóm thanh niên khác; Nguyễn Huy

H ngồi sau xe do Phan Thanh T điều khiển có hành vi ném 02 chai vào nhóm thanh niên tại khu vực cầu B, sau đó lên xe Phạm Huy H chở cầm giáo vọt 02 nhát vào 01 thanh niên đồng thời dùng tay chân đâm đá tại khu vực cầu vượt Vinhomes; Nguyễn Đức N ngồi sau xe do Trương Văn C điều khiển có hành vi cầm giáo nhọn tham gia đuổi đánh nhóm thanh niên tại cầu B và cầu vượt Vinhomes, trực tiếp dùng giáo nhọn đập xe nhóm thanh niên tại cầu vượt Vinhomes; Trương Văn C là người điều khiển xe chở Nguyễn Đức N tham gia đuổi đánh nhóm thanh niên tại khu vực cầu B và cầu vượt Vinhomes; Trương Hoàng V ngồi sau xe do Phạm Văn N điều khiển có hành vi cầm giáo nhọn đuổi đánh nhóm thanh niên tại cầu B và cầu vượt Vinhomes, đồng thời ném chai thủy tinh; Phạm Văn N trực tiếp điều khiển xe chở Trương H Việt tham gia đuổi đánh nhóm thanh niên tại khu vực cầu Bính và cầu vượt Vinhomes; Phạm Huy H là người điều khiển xe chở Tạ Quang H cầm giáo nhọn đuổi đánh nhóm thanh niên tại khu vực cầu Bính cầu vượt Vinhomes nên các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Huy H, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Huy H, Nguyễn Bá T, Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Trương Văn C có vai trò thứ hai và ngang nhau. Trần Đức M có hành vi mang theo 01 balo chai thủy tinh, ngồi sau xe do Nguyễn Hồng S chở đuổi 01 thanh niên tại khu vực cầu vượt Vinhomes và ném 02 chai thủy tinh; Nguyễn Hồng S có hành vi điều khiển xe chở Trần Đức M chặn đánh nhóm thanh niên tại khu vực cầu vượt Vinhomes; Phạm Việt T là người chuẩn bị 01 ba lô chai thủy tinh đưa cho M, ngồi sau xe do Nguyễn Đình T chở, trực tiếp cầm 01 giáo nhọn do Bùi Văn T đưa đuổi đánh nhóm thanh niên tại khu vực cầu vượt Vinhomes; Nguyễn Đình T là người trực tiếp chở Phạm Việt T và Vũ Doãn K tham gia đuổi đánh nhóm thanh niên tại khu vực cầu vượt Vinhomes; Lê Trác T là người điều khiển xe chở Bùi Văn T cầm kiếm tự chế đuổi chém nhóm thanh niên tại khu vực cầu vượt Vinhomes; Phan Thanh Trọng là người điều khiển xe chở Nguyễn Huy H cầm giáo nhọn chém 02 nhát vào 01 thanh niên tại khu vực cầu Bính; Vũ Doãn K ngồi sau xe do Nguyễn Đình T điều khiển cầm 01 kiếm tự chế chém 02 nhát vào lưng 01 thanh niên tại khu vực cầu vượt Vinhomes; Bùi Văn T cầm 01 kiếm tự chế ngồi sau xe do Lê Trác T điều khiển đuổi chém nhóm thanh niên tại khu vực cầu vượt Vinhomes; Lê Trác C ban đầu chở Bùi Văn T, sau đó quay lại đi một mình tham gia đuổi đánh nhóm thanh niên tại khu vực cầu vượt Vinhomes; Trần Thành L là người đưa kiếm tự chế cho Phạm Văn T, ngồi sau xe do Chu Đức T điều khiển ném chai thủy tinh vào nhóm thanh niên tại khu vực cầu vượt Vinhomes; Chu Đức T là người điều khiển xe chở Trần Thành L đuổi theo nhóm thanh niên tại khu vực cầu vượt Vinhomes để L ném chai thủy tinh nên các bị cáo Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Đình T, Lê Trác T, Phạm Việt T, Phan Thanh T, Vũ Doãn K, Bùi Văn T, Lê Trác C, Trần Thành L, Chu Đức T có vai trò ngang nhau và thấp nhất.

[8] *Về hình phạt*: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mục đích của hình phạt, nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Xét thấy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt thích hợp mới đảm bảo quy định của pháp luật nhằm trừng trị người phạm tội, giáo dục họ có ý thức tuân theo pháp luật, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới và giáo dục người khác ý thức tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

[8.1] Bị cáo Chu Anh T là người có vai trò chính trong vụ án, là người rủ các đối tượng khác đi tìm nhóm thanh niên không quen biết để đánh trả thù và trực tiếp dùng kiếm chém về 02 nhóm thanh niên khác nhau. Mặt khác, bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo một thời gian để giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật N đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở. Đối với các bị cáo Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Đình T, Lê Trác T, Phạm Việt T mặc dù tham gia với vai trò có mức độ. Tuy nhiên, bản thân các bị cáo không có mâu thuẫn Nng khi được rủ rê đã tham gia ngay. Mặt khác, ngoài hành vi phạm tội lần này ra, bản thân các bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện AD xử phạt hình phạt tù có thời hạn về hành vi “Cướp tài sản” như phần căn cước đã nêu. Điều đó thể hiện nhân thân và ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo không tốt. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo một thời gian để giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật N đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở. Đối với bị cáo Nguyễn Huy H và bị cáo Phan Thanh T mặc dù tham gia với vai trò có mức độ. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo bỏ trốn và bị bắt truy nã; ngoài tình tiết T khẩn khai báo, ăn năn về hành vi các bị cáo không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo một thời gian để giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật N đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở. Đối với các bị cáo khác có hành vi vi phạm N đã nêu tại phần nội dung vụ án và đánh giá vai trò của các bị cáo tại mục [7]. Hành vi phạm tội lần này, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Đỗ Thành H và anh Nguyễn Tấn D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài hành vi lần này, các bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật; căn cứ quy định của pháp luật khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội là người dưới 18 tuổi cần xem xét, đánh giá đầy đủ sự phát triển, nhận thức, điều kiện học tập, môi trường sống, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự N đã nêu tại mục [5]....đảm bảo tốt nhất cho người dưới 18 tuổi. Đối với Bùi Văn T và Trần Thành L khi thực hiện hành vi phạm tội trên 18 tuổi. Tuy nhiên, xét nhân thân của các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu tại mục [5]. Do đó, áp dụng hình

phạt tù Nng cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung N đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

[9] *Về quan điểm của những người bào chữa cho các bị cáo:*

[9.1] Về nội dung không nhất trí với quan điểm của Viện Kiểm sát về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Những người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn T, Trương Văn C, Vũ Doãn K, Nguyễn Đức N, Nguyễn Bá T, Tạ Quang H, Phạm Huy H, Trương Hoàng V, Phạm Văn N không nhất trí với quan điểm của Viện Kiểm sát về việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự vì các bị cáo thực hiện hành vi liên tục, xâm phạm một khách thể là không có căn cứ, bởi lẽ: Các bị cáo có 02 lần thực hiện hành vi phạm tội trên 02 địa bàn khác nhau là phường TC, phường TL và với 02 nhóm thanh niên khác nhau. Mỗi lần thực hiện hành vi đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận quan điểm của những người bào chữa cho các bị cáo nêu trên.

[9.2] Về đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu đối với các bị cáo theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Những người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn T, Trương Văn C, Vũ Doãn K, Trương Hoàng V, Phạm Văn N đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được áp dụng cho hành vi phạm tội có khung hình phạt gồm phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm. Mặt khác, pháp luật không có sự tách bạch giữa hành vi phạm tội lần đầu và hành vi thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ riêng biệt mà là một tình tiết giảm nhẹ chung. Hành vi phạm tội lần này của các bị cáo bị truy tố theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 02 năm tù đến 07 năm tù. Do đó, không chấp nhận quan điểm của những người bào chữa cho các bị cáo nêu trên về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[9.3] Về đề nghị xét xử dưới khung hình phạt theo đề nghị của Viện Kiểm sát và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định một hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt: Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn T, Trương Văn C, Vũ Doãn K, Nguyễn Đức N, Nguyễn Bá T, Tạ Quang H, Phạm Huy H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ

luật Hình sự để xét xử các bị cáo hình phạt dưới mức khởi điểm đề nghị của Viện Kiểm sát; những người bào chữa cho các bị cáo Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Lê Trác C, Nguyễn Hồng S, Phạm Việt T, Trần Đức M đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có căn cứ, bởi lẽ: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nghiêm trọng, thể hiện tính manh động; khi xem xét đề nghị hình phạt đối với các bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đã xem xét, cân nhắc và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như đã phân tích tại mục [5]. Việc áp dụng N đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo là không đảm bảo tính răn đe, giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[10] *Về xử lý vật chứng*: Tịch thu tiêu hủy một số mảnh vỡ thủy tinh thu tại hiện trường trên cầu B và một số mảnh vỡ thủy tinh thu tại hiện trường trên cầu vượt Vinhomes nút giao NCB do liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng.

[11] *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị cáo Trương Hoàng V, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Phạm Văn N, Trương Văn C, Phạm Huy H, Chu Anh T, Nguyễn Bá T, Phạm Văn T đã nộp tổng số tiền là 50.000.000 đồng để bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh Đỗ Thành H. Các bị cáo Vũ Doãn K, Chu Đức T, Trần Thành L, Phạm Việt T, Bùi Văn T đã bồi thường tổng số tiền 29.000.000 đồng cho anh Nguyễn Tấn D. Đến nay, anh H và anh D không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] *Về các vấn đề khác*:

[12.1] Đối với Đỗ Trọng Đ hành vi có dấu hiệu của tội Gây rối trật tự công cộng. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi, Đỗ Trọng Đ chưa đủ 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự (là tội nghiêm trọng). Công an quận HB đã lập hồ sơ đề nghị đưa vào trường giáo dưỡng đối với Đỗ Trọng Đ là có căn cứ.

[12.2] Đối với hành vi các bị cáo đuổi theo nhóm thanh niên trên về phía Ngã tư CD chưa có hậu quả xảy ra nên không có căn cứ để xử lý về hành vi này là có căn cứ.

[12.3] Đối với thương tích của anh Đỗ Thành H là do anh H điều khiển xe mô tô tự va vào thành cầu gây ra; còn thương tích của anh Nguyễn Tấn D bị thương tích giảm 03% sức khỏe, nhưng anh D có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự, vì vậy không có căn cứ khởi tố về tội Cố ý gây thương tích là có căn cứ.

[13] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án*:

[13.1] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[13.2] Người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo dưới 18 tuổi được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Chu Anh T 04 (bốn) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 29-3-2022.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Phạm Văn T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Nguyễn Bá T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Tạ Quang H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày T án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Nguyễn Huy H 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 06-9-2022.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Nguyễn Đức N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù Nng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Trương Văn C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Trương Hoàng V 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Phạm Văn N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Phạm Huy H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 104 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt: Trần Đức M 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố HP xử phạt 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản. Buộc bị cáo Trần Đức M phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là 07 (bảy) năm 08 (tám) tháng

tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 (trong một vụ án khác).

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101, Điều 104 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt: Nguyễn Hồng S 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố HP xử phạt 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về tội Cướp tài sản. Buộc bị cáo Nguyễn Hồng S phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là 07 (bảy) năm 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 (trong một vụ án khác).

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101, Điều 104 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt: Nguyễn Đình T 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố HP xử phạt 06 (năm) tù về tội Cướp tài sản. Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là 08 (tám) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 (trong một vụ án khác).

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 104 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt: Lê Trác T 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân Huyện An Dương, T phố HP xử phạt 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội Cướp T sản. Buộc bị cáo Lê Trác T phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là 07 (bảy) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 (trong một vụ án khác).

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 104 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử phạt: Phạm Việt T 02 (hai) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2022/HS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện AD, hành phố HP xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội Cướp tài sản. Buộc bị cáo Phạm Việt T phải chấp hành

hình phạt chung của các bản án là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 (trong một vụ án khác).

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phan Thanh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25-6-2022.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Vũ Doãn K 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Lê Trác C 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Thành L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm b mục 11.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt: Chu Đức T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Bá T cho Ủy ban nhân dân xã ĐB, huyện AD; giao bị cáo Tạ Quang H cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện AD; giao bị cáo Nguyễn Đức N, Trương Văn C, Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Phạm Huy H cho Ủy ban nhân dân xã **LT**, huyện AD; giao bị cáo Trần Thành L cho Ủy ban nhân dân phường QT, quận HB; giao bị cáo Vũ Doãn K, Lê Trác C cho Ủy ban nhân dân xã BS, huyện AD; giao bị cáo Bùi Văn T cho Ủy ban nhân dân xã NS, huyện AD; giao bị cáo Chu Đức T cho Ủy ban nhân dân xã AH, huyện AD, thành phố HP giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm

phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự N sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú.

Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với Nguyễn Bá T, Trương Văn C, Vũ Doãn K, Bùi Văn T, Lê Trác C, Trần Thành L, Chu Đức T. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đối với Phạm Văn T, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Phạm Huy H.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy một số mảnh vỡ thủy tinh thu tại hiện trường trên Cầu B và một số mảnh vỡ thủy tinh thu tại hiện trường trên cầu vượt Vinhomes nút giao Nam Cầu Bdo liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an quận HB và Chi cục Thi hành án dân sự quận HB, thành phố HP ngày 22-02-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng).

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Chu Anh T, Phạm Văn T, Nguyễn Bá T, Tạ Quang H, Nguyễn Huy H, Nguyễn Đức N, Trương Văn C, Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Phạm Huy H, Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Nguyễn Đình T, Lê Trác T, Phạm Việt T, Phan Thanh T, Vũ Doãn K, Bùi Văn T, Lê Trác C, Trần Thành L, Chu Đức T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Số tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Phạm Văn T, Tạ Quang H, Nguyễn Đức N, Trương Văn C, Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Phạm Huy H, Trần Đức M, Phạm Việt T, Vũ Doãn K, Lê Trác C do người đại diện hợp pháp của các bị cáo có nghĩa vụ nộp thay.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo dưới 18 tuổi được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Văn T, Trương Văn C, Vũ Doãn K, Nguyễn Bá T, Nguyễn Đức N, Tạ Quang H, Phạm Huy H, Trương Hoàng V, Phạm Văn N, Lê Trác C, Trần Đức M, Nguyễn Hồng S, Phạm Việt T có quyền kháng cáo bản án để bảo vệ lợi ích của các bị cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày T án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HP;
- Sở Tư pháp TP.HP;
- VKSND TP. HP;
- PV 06 Công an TP. HP;
- CA quận HB;
- Cơ quan THAHS Công an quận HB;
- VKSND quận HB;
- Chi cục THADS quận HB;
- UBND nơi cư trú của các bị cáo;
- Các bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo dưới 18 tuổi;
- Người bào chữa cho các bị cáo dưới 18 tuổi;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu C